

Bản án số: 236/2017/HSPT

Ngày: 13/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Sơn**.

Các Thẩm phán:

Ông **Đinh Quang Nghĩa**

Ông **Trần Thanh Tùng**.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Cao Thị Minh**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Ông **Phan Hoàng Quân** – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở TAND tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 193/2017/HSPT ngày 08/8/2017 do có kháng cáo của các bị cáo Tống Văn S, bị cáo Đặng Trọng Đ, bị cáo Đặng Văn P đối với bản án hình sự sơ thẩm số 58/2017/HSST ngày 29/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Tống Văn S (Tên gọi khác: Tống Văn L; Tống Chiến S2; Tống Văn Duy L), sinh năm 1981, tại: tỉnh Ninh Bình; trú tại: Thôn 4, xã K1, huyện Y1, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 9/12; con ông Tống Văn L1, sinh năm: 1958 và bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1955; vợ Nguyễn Thị Thu S1, và có 02 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015);

Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/01/2002, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xử 12 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 16/11/2002; ngày 02/11/2004, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử 03 năm tù về tội: Cố ý gây thương tích, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 18/3/2006 và đã thi hành xong tiền án phí HSST ngày 18/7/2006; ngày 18/5/2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử 03 năm 06 tháng tù giam về tội: Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 29/9/2009 và đã thi hành xong tiền án phí HSST ngày 23/8/2007 (Trong các bản án thể hiện bị cáo có nhiều tên như Tống Chiến S2; Tống Văn S; Tống Văn L; Tống Văn Duy L đều có tên gọi khác là Tống Văn L. Tại kết luận giám định số 03-GĐĐV/PC54 ngày 15/01/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Nông kết luận: “Dấu vân tay của bị cáo trong bản các bản án trên với dấu vân tay của Tống Văn S bị khởi tố trong vụ án này là dấu vân tay của một người in ra);

Bị bắt tạm giam ngày 15/10/2016.

2. Đặng Trọng Đ, sinh năm 1991, tại: tỉnh Nghệ An; trú tại: Xóm Đ1, xã L3, huyện Y2, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa Lớp

9/12; con ông Đặng Trọng S3, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1958, vợ con chưa có;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt tạm giữ từ ngày 16/10/2016 đến ngày 25/01/2017. Bị bắt tạm giam để đảm bảo thi hành án tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29/6/2017.

3. Đặng Văn P, sinh năm 1990, tại: tỉnh Nghệ An; trú tại: ấp Tr, xã Ph, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Thợ hàn; trình độ học vấn: 9/12; con ông Đặng Văn H1 (chết) và bà Thái Thị Ph, sinh năm 1968; vợ: Trần Thị Huyền Tr1, sinh năm 1995 và có 01 con sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 08/3/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 02 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 13/9/2012;

Bị bắt tạm giam để đảm bảo thi hành án tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29/6/2017.

(Các bị cáo Tống Văn S, Đặng Trọng Đ, Đặng Văn P có mặt tại phiên tòa. Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Hữu Ch, Nguyễn Quang H2, Nguyễn Duy Qu và người bị hại anh Nguyễn Hữu Kh, Nguyễn Trung Qu1 không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.)

NHẬN THẤY

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch:

Vào khoảng 22 giờ ngày 14/10/2016, chị Lê Thị Thu H3 (sinh năm 1992) là nhân viên trông coi tiệm Game bắn cá của Tống Văn S tại ấp Đ2, xã Ph2, huyện Nhơn Trạch, điện thoại nói cho S biết có Nguyễn Trí Th1, sinh năm 1992, ngụ tại: ấp Đ2, xã Ph2, huyện Nhơn Trạch đến đập phá bảng hiệu tiệm Game bắn cá. Tống Văn S liền gọi điện thoại cho Nguyễn Hữu Ch, Nguyễn Quang H2 đi với S đến tiệm Game bắn cá của S ở ấp Đ2, xã Ph2 tìm Thiện đánh, Ch, H2 đồng ý. H2 rủ thêm Đặng Trọng Đ, Nguyễn Duy Qu, Đặng Văn P, còn Ch điện thoại rủ Tý (không rõ nhân thân) cùng đi đánh nhau và hẹn gặp nhau tại đoạn đường bên hông Công ty O thuộc Khu công nghiệp 1 huyện N ở ấp B1, xã Ph2, huyện Nhơn Trạch. Khi đi, S đem theo 01 cây rựa, 01 dao tông bỏ vào 01 bao tải xác rắn màu vàng và điều khiển xe mô tô Nouvo (không rõ biển số) đi đến chợ đêm thuộc xã A chở Ch, H2. Đường điều khiển xe mô tô hiệu SH Mode (không rõ biển số) chở Phúc mang theo 01 mã tấu, Qu điều khiển xe mô tô biển số 37B2-173.69 và T (không rõ nhân thân) điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) đem theo 01 con dao tự chế cùng đi đến điểm hẹn. Khi gặp nhau, S đưa bao đựng dao tự chế, mã tấu cho Ch, Đ, H2, T, P để bỏ mã tấu, dao tự chế vào bao cùng đi đến tiệm bắn cá của S tại ấp Đ2, xã Ph2, huyện Nhơn Trạch. Khi đến nơi, thấy tiệm đóng cửa nên S đứng ở ngoài hỏi H3 là ai phá quán, ở đâu thì H3 nói Th1 phá quán và đang ngồi chơi ở kiot bên cạnh. S, Ch, Đường, H2, P, T mang theo dao, rựa, mã tấu đi sang kiôt bên cạnh để tìm Th1 đánh, còn Qu ở lại trông xe. Khi đến nơi, S thấy có anh Nguyễn Hữu Kh; anh Nguyễn Trung Qu1; anh Lê Hoàng A1; anh Nguyễn Thanh Th2 và anh Trần Trọng T1 đang ngồi chơi. S liền hỏi anh Th1 ở đâu thấy không có ai trả lời nên

Ch, Đ, H2, T, P cầm mã tấu, dao tự chế xông vào chém anh Kh, anh Qu1, anh A1, anh Th2, anh T1 làm mọi người bỏ chạy. Ch dùng dao tự chế chém trúng 01 nhát vào cánh tay trái anh Kh, Đ dùng mã tấu chém trúng 01 phát vào vai của anh Qu1 gây thương tích. Sau đó, S, Ch, Đ, Qu, H2, T, P đi về, còn anh Kh, anh Qu1 được mọi người đưa đến Bệnh viện huyện Nhơn Trạch điều trị, đối với anh Kh do vết thương nặng nên chuyển đến Bệnh chấn thương chỉnh hình thành phố Hồ Chí Minh để điều trị. Đến ngày 15/10/2016, Tổng Văn S đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Nhơn Trạch đầu thú.

Tại Biên bản kết luận giám pháp y về thương tích số: 0918/GDPY/2016 ngày 20/10/2016 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Đồng Nai kết luận thương tích của anh Nguyễn Trung Qu1 như sau: Vết thương cánh tay trái kích thước 08x0,2cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 03%. Vật gây thương tích: Vật sắc.

Tại Biên bản kết luận giám pháp y về thương tích số: 0949/GDPY/2016 ngày 10/11/2016 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Đồng Nai kết luận thương tích của anh Nguyễn Hữu Kh như sau: Tổn thương đứt cơ duỗi các ngón tay trái, hạn chế duỗi các ngón tay trái mức độ nặng; Tổn thương đứt cơ duỗi cổ tay trụ trái, hiện để lại hạn chế động tác cổ tay trái mức độ nhẹ; Tổn thương mẻ xương trụ trái chưa hết đường kính của xương; Tổn thương nứt xương quay trái; Di vật phần mềm cẳng tay trái, không có di chứng; Vết thương cẳng tay trái kích thước 12x0,2cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 16%. Vật gây thương tích: Vật sắc.

Vật chứng vụ án:

- 01 dao tự chế dài 50 cm, bản rộng 03cm, lưỡi dao màu trắng, cán tròn được quấn bằng keo đen; 01 côn nhị khúc gồm 02 đoạn cây gỗ, dài khoảng 25cm, đường kính 02cm, màu vàng được nối bằng 1 đoạn dây xích dài 15cm.

Quá trình điều tra anh Nguyễn Hữu Kh yêu cầu Tổng Văn S, Đặng Trọng Đ, Nguyễn Hữu Ch, Nguyễn Duy Qu, Nguyễn Quang H2, Đặng Văn P liên đới bồi thường số tiền 50.000.000 đồng; Anh Nguyễn Trung Qu1 yêu cầu Tổng Văn S, Đặng Trọng Đ, Nguyễn Hữu Ch, Nguyễn Duy Qu, Nguyễn Quang H2, Đặng Văn P liên đới bồi thường số tiền 5.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 58/2017/HSST ngày 29/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Tổng Văn S, Đặng Trọng Đ, Nguyễn Hữu Ch, Nguyễn Duy Qu, Nguyễn Quang H2, Đặng Văn P phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng điểm a, i khoản 2 Điều 104; khoản 2 Điều 46; 53 Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo Tổng Văn S 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ 16/10/2016.

- Áp dụng điểm a, i khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1; 2 Điều 46; 53 Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo Đặng Trọng Đ 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án phạt tù, nhưng được trừ đi thời giam tạm giam là 03 tháng 04 ngày (từ ngày 16/10/2016 đến ngày 20/01/2007). Bắt giam bị cáo Đặng Trọng Đ tại phiên tòa.

- Áp dụng điểm a, i khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1; 2 Điều 46; 53 Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo Đặng Văn P 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án phạt tù. Bắt giam bị cáo Đặng Văn P tại phiên tòa.

Bản án sơ thẩm còn tuyên xử: Bị cáo Nguyễn Hữu Ch 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ 16/10/2016. Bị cáo Nguyễn Quang H2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ 16/10/2016. Bị cáo Nguyễn Duy Qu 02 (hai) năm tù; thời hạn tù tính từ 16/10/2016.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, bồi thường dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/7/2017, bị cáo Tống Văn S, Đặng Trọng Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 11/7/2017, bị cáo Đặng Văn P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các bị cáo có đủ cơ sở xác định:

Hành vi của Tống Văn S, Đặng Trọng Đ, Đặng Văn P đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 điều 104 Bộ luật Hình sự. Cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Tống Văn S 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, bị cáo Đặng Trọng Đ 03 (ba) năm tù, bị cáo Đặng Văn P 02 (hai) năm tù là phù hợp, không nặng như đơn kháng cáo. Bị cáo S và bị cáo Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào nên không được chấp nhận. Bị cáo Đặng Văn P có ông ngoại là ông Thái Văn G là người có công với cách mạng, được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất, đồng thời gia đình bị cáo đã nộp một phần tiền bồi thường để khắc phục hậu quả, đây là các tình tiết mới đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo;

XÉT THẤY

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Đặng Trọng Đ, Đặng Văn P đã khai nhận, các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi cố ý gây thương tích cho người bị hại và theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy:

Khoảng hơn 22 giờ ngày 14/10/2016, do nghe lời rủ rê đi đánh nhau của bị cáo Tống Văn S, các bị cáo Đặng Trọng Đ, Nguyễn Hữu Ch, Nguyễn Duy Qu, Nguyễn Quang H2, Đặng Văn P cùng với bị cáo Tống Văn S đã mang theo rựa, dao tông, mã tấu đến tại Kiot thuộc ấp Đ2, xã Ph2, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Tại đây bị cáo Nguyễn Duy Qu ở ngoài trông xe, các bị cáo Tống Văn S, Đặng Trọng Đ, Nguyễn Hữu Ch, Nguyễn Duy Qu, Nguyễn Quang H2, Đặng Văn P dùng rựa, dao tông, mã tấu xông vào Kiot, bị cáo S ra lệnh cho đồng bọn xông vào chém mọi người nhiều nhất gây thương tích, cụ thể: Bị cáo Ch cầm mã tấu chém 01 phát vào cánh tay trái anh Nguyễn Hữu Kh gây tỉ lệ

thương tật là 16%; bị cáo Đ cầm mã tấu chém một nhát vào vai của anh Nguyễn Trung Qu1 gây thương tích với tỉ lệ thương tật là 03%, số bị cáo còn lại hô hào cổ vũ chém phá các đồ đạc khác, sau đó thì bỏ trốn, anh Kh và Qu1 được đưa đi bệnh viện cấp cứu.

Tại phiên tòa sơ và phúc thẩm, bị cáo Tống Văn S đã thừa nhận có rủ rề các bị cáo khác đi đánh nhau, nhưng bị cáo S khẳng định không có hành vi phát động, xúi giục các bị cáo còn lại đánh những người bị hại, việc đánh nhau là ngoài tầm kiểm soát của bị cáo. Xét thấy, lời khai của bị cáo S là mâu thuẫn với lời khai của các bị cáo khác (bút lục 148, 150) và không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án. Việc bị cáo S không thừa nhận hành vi xúi giục các bị cáo khác đánh người bị hại là thiếu thành khẩn khai báo, không thể hiện sự ăn năn hối cải.

Với các hành vi nêu trên các bị cáo đã bị cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, dùng hung khí nguy hiểm gây thương tật nặng cho người bị hại với tỷ lệ 16% là nghiêm trọng đã phạm vào định khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS có khung hình phạt từ 2 năm đến 07 năm tù.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Đặng Trọng Đ, Đặng Văn P đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Đặng Văn P đã tự nguyện bồi thường 01 phần cho người bị hại; Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b và p, khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đặng Văn P; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đặng Trọng Đ; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tống Văn S và các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1, Điều 48 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tống Văn S, xử bị cáo Tống Văn S 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù, bị cáo Đặng Trọng Đ 03 (Ba) năm tù, bị cáo Đặng Văn P 02 (Hai) năm tù là tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, đối với bị cáo Đặng Văn P tại phiên tòa phúc thẩm đã bổ sung tình tiết là có ông ngoại là ông Thái Văn G là người có công với cách mạng, được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất, hoàn cảnh gia đình bị cáo thật sự khó khăn, vợ mới sinh con còn nhỏ, gia đình bị cáo đã nộp một phần tiền bồi thường để khắc phục hậu quả. Đây là các tình tiết mới Hội đồng xét xử nghĩ nên áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án dưới khung hình phạt là phù hợp.

Các bị cáo S và Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được những tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào khác ngoài những tình tiết cấp sơ thẩm đã xem xét. Đồng quan điểm Đại diện Viện kiểm sát, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo S và Đ; Sửa án sơ thẩm đối với bị cáo P theo hướng giảm nhẹ một phần hình phạt.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xét kháng cáo của bị cáo Tống Văn S, Đặng Trọng Đ không được chấp nhận nên bị cáo S và bị cáo Đ

phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; kháng cáo của bị cáo Đặng Văn P được chấp nhận nên bị cáo P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 2 điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đặng Văn P, sửa bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Đặng Văn P.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Tống Văn S, Đặng Trọng Đ giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Tuyên bố các bị cáo Tống Văn S, Đặng Trọng Đ, Đặng Văn P phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng điểm a, i khoản 2 Điều 104; khoản 2 Điều 46; 53 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Tống Văn S 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ 16/10/2016.

- Áp dụng điểm a, i khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1; 2 Điều 46; 53 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Đặng Trọng Đ 03 (ba) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2017, nhưng được trừ đi thời giam tạm giam từ ngày 16/10/2016 đến ngày 20/01/2007.

- Áp dụng điểm a, i khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1; 2 Điều 46; Điều 47, 53 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Đặng Văn P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2017.

Về án phí:

Bị cáo Tống Văn S, Đặng Trọng Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Đặng Văn P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh (1);
- VKSND huyện (1);
- TAND huyện Nhơn Trạch (02);
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai - B5 (1);
- Bị cáo – bị hại (3);
- Phòng PV 27 – Công an tỉnh Đồng Nai (01);
- Sở Tư pháp (1)
- CA huyện Nhơn Trạch;
- Lưu (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)
Nguyễn Thành Sơn